

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

CHỨC NĂNG NGỮ NGHĨA CỦA TÂN NGỮ NỘI ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT HỒ THU TRANG*

TÓM TẮT: Trong tiếng Việt có trường hợp nội động (động từ không có tân ngữ đi kèm) được dùng như ngoại động (động từ có tân ngữ). Trong động ngữ *ngủ lều*, xuất hiện sau *ngủ* và ở vị trí tân ngữ là *lều*, được gọi là tân ngữ nội động (Non canonical Objects, gọi tắt là NCO). Nghiên cứu của Hồ (2021) cho rằng chúng là bổ ngữ của động từ phi tác cách. Chúng có thể chỉ nơi chốn, phương tiện, thời gian, v.v. Dựa trên nghiên cứu của Zhang (2018) về tân ngữ nội động trong tiếng Hán, bài viết này trình bày chức năng ngữ nghĩa của tân ngữ nội động trong tiếng Việt. Qua đối chiếu, chúng tôi cho rằng tân ngữ nội động tiếng Việt cũng có đặc điểm như từ bổ nghĩa phân loại (giống với tính từ phân loại). Chúng là yếu tố phân loại chủng loại của sự tình, giống tân ngữ nội động tiếng Hán.

TỪ KHÓA: tân ngữ nội động tiếng Việt; chức năng ngữ nghĩa; yếu tố phân loại chủng loại; từ bổ nghĩa phân loại; tính từ phân loại.

NHẬN BÀI: 22/11/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/04/2023

1. Đặt vấn đề

Chủ đề phạm trù nội động từ hoặc ngoại động từ trong tiếng Việt thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu Việt ngữ và được bàn luận phân tích ở nhiều mức độ khác nhau. Chẳng hạn, luận án tiến sĩ của Lê Kinh Thắng (2009) trình bày rất chi tiết các quan điểm có liên quan. Theo tác giả, phạm trù nội động từ hoặc ngoại động từ trong tiếng Việt cần được xem xét trên tiêu chí hình thức ngữ pháp và vai nghĩa. Về hình thức ngữ pháp, các nhà Việt ngữ học đa số căn cứ vào tính chất chi phối của động từ và tính chất kết hợp với các thành phần khác trong câu để phân chia động từ trong tiếng Việt ra hai loại nội động và ngoại động như ví dụ sau.

- (1) a. Nam *ăn* cơm.
b. Nam *ngủ*.

Trong câu (1a), *cơm* được xem là tân ngữ¹ (object) của động từ *ăn* và người thực hiện hành động ăn là *Nam*. Động từ *ăn* cần một tân ngữ đi kèm để diễn đạt trọn nghĩa. Hay nói cách khác, động từ *ăn* cần kết hợp với một thành phần phụ đứng sau nó để diễn đạt một hành động đưa vào cơ thể thực phẩm là *cơm* để nuôi sống. Vì vậy, *ăn* được xem là động từ ngoại động (transitive verb). Còn trong câu (1b), chỉ có người thực hiện hành động là *Nam*, và không có tân ngữ đi sau động từ *ngủ*. Động từ *ngủ* chỉ một trạng thái sinh lí của *Nam*. Theo Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, 2016), *ngủ* là trạng thái tạm ngừng tri giác và ý thức, bắp thịt dẫn mềm, các hoạt động hô hấp, tuần hoàn chậm lại và toàn bộ cơ thể được nghỉ ngơi. Nói cách khác, động từ *ngủ* không đi kèm tân ngữ và diễn đạt trọn nghĩa. Vì vậy, *ngủ* là động từ nội động (intransitive verbs).

Về mặt ngữ nghĩa, trong câu (1a), ngoại động từ *ăn* kết hợp với hai tham tố (argument) là *Nam* và *cơm*. *Nam* mang vai tác thể (Agent), chỉ người thực hiện hành động, *cơm* mang vai bị thể (Patient), chỉ vật chịu sự tác động của hành động và dẫn đến thay đổi. Còn trong câu (1b), nội động từ *ngủ* chỉ kết hợp với một tham tố là *Nam*. *Nam* mang vai tác thể (Agent).

Tuy nhiên, việc phân loại nội/ ngoại động từ theo tiêu chí thành phần kết hợp trong câu gặp không ít khó khăn vì nội bộ của hai loại động từ không phải là hoàn toàn đồng nhất về mặt đặc điểm cú pháp và ranh giới của hai loại cũng chưa rõ ràng (Nguyễn Đình Hoa, 1997; Lê Kinh Thắng, 2009; Nguyễn Kim Thân, 2015). Hà Thiên Vạn (2020) cho rằng, người Việt không quen dùng hoặc không có chủ ý phân biệt hai loại động từ này với nhau. Và cũng vì ranh giới chưa rõ ràng nên có một số hiện tượng “*chuyển hóa*” giữa hai loại (Nguyễn Kim Thân, 2015, tr.98), hay có sự xuất hiện của loại

¹ Trong bài viết, chúng tôi dùng thuật ngữ *tân ngữ* (object) mà không dùng *bổ ngữ* để không nhầm lẫn với thuật ngữ *bổ ngữ* (complement).

* Trường Đại học Quốc gia Chung Cheng (Đài Loan); Email: genny.ho81@gmail.com

động từ hỗn hợp, có tính “*lưỡng chủng*” (Hà Thiên Vạn, 2020, tr.321). Nguyễn Kim Thản (2015) nêu ví dụ về trường hợp nội động dùng như ngoại động, ngoại động được dùng như nội động, hay có khi không phân biệt được từ loại của động từ ấy.² Trong (2a) nội động *khóc* không có tân ngữ, nhưng có thể đi kèm theo một danh ngữ ở vị trí của tân ngữ là *cái chết của nhân vật* như trong (2b) là trường hợp nội động dùng như ngoại động.

- (2) a. Lan âm ức *khóc*.
b. Lan đã *khóc* *cái chết của nhân vật*.

Khi phân tích về kết cấu của từ tiếng Việt hiện đại, Hồ Lê (2018, tr.448-449) liệt kê và phân loại dạng từ ghép chính phụ với mẫu “động từ + danh từ” và cho rằng đây là kết cấu chặt. Trong kết cấu này, danh từ chỉ thành phần phụ của nó vốn là bổ ngữ có điều kiện. Cấu tạo của tổ hợp này là chặt chẽ và ý nghĩa của chúng có thể tìm ra một cách có quy tắc. Ví dụ: *ăn đêm, in máy, ngủ giường, nằm đất*, v.v. Tuy nhiên vì sao là một kết hợp chặt, bổ ngữ có điều kiện là những điều kiện gì và theo quy tắc gì để tìm ra ý nghĩa của chúng là những vấn đề vẫn chưa được nói rõ.

Nguyễn Văn Hiệp (2012, tr.311) dẫn lại cách phân tích ngữ nghĩa trong câu tiếng Việt của (Phan Ngọc, 1983) như sau: “*Một câu tiếng Việt sẽ gồm những từ được tổ chức lại bởi những ý nghĩa ngữ pháp nằm ngoài từ do vị trí của từ quy định, do đó có những câu ngó bên ngoài như nhau nhưng xét về quan hệ ngữ pháp thì lại rất khác nhau, bởi vì sự tương hợp ngữ nghĩa khác nhau.*”. Tác giả giải thích ví dụ trong câu “*Tôi ăn bàn*” thì *bàn* là trạng ngữ (adverbial clause) chỉ nơi chốn, còn trong câu “*Con một ăn bàn*” thì *bàn* là tân ngữ. Trong câu thứ nhất không có sự tương hợp ngữ nghĩa giữa hành động ăn với thức ăn. Vậy chức năng ngữ nghĩa của *bàn* trong câu thứ nhất là gì? Thế nào là sự không tương hợp ngữ nghĩa giữa hành động và tân ngữ đi sau động từ diễn đạt hành động đó?

Bài nghiên cứu về tân ngữ nội động (Non canonical Objects, gọi tắt là NCO)³ của Ho (2021) giới thiệu cơ bản về NCO của tiếng Việt và lí giải cấu trúc cú pháp (syntactic structure) của kết cấu động từ phi tác cách (unergative verbs) kết hợp với một NCO. Những nội động từ như *boi, ngủ, chạy*, v.v không có tân ngữ mang vai chủ đề (thematic role). Nói cách khác, chúng dẫn ra vị ngữ phi tác cách (unergative predicates). Còn những động từ như *ăn*, khi kết hợp với một tân ngữ mang vai chủ đề như trong câu *Nam ăn cơm* thì được dùng như một ngoại động từ. Cũng động từ *ăn*, khi không kết hợp với tân ngữ mang vai chủ đề như trong câu *Nam ăn chậm lắm* thì được dùng như một động từ phi tác cách. Chúng tôi dựa trên cấu trúc tham tổ (argument structure) của Ramchand (2008) như

² Nguyễn Kim Thản (2015, tr.98) đưa ví dụ về trường hợp ngoại động được dùng như nội động là ngoại động từ *đuổi* như trong *đuổi gà* (*gà* là tân ngữ của động từ), nhưng trong câu (i) *Một tên trộm chạy, trăm người đuổi* thì *đuổi* được dùng như nội động (tức là, sau động từ *đuổi* không kèm tân ngữ). Chúng tôi cho rằng trong cấu trúc chìm (deep structure) của câu (i), ngoại động từ *đuổi* kết hợp với tân ngữ là một tiểu cú *một tên trộm chạy*. Tiểu cú di chuyển lên đầu câu bởi vì cấu trúc bề mặt (surface structure) được đề hóa (topicalization). Trường hợp động từ không phân biệt được là nội động hay ngoại động, tác giả đưa ra ví dụ là động từ “*mim*” trong hai câu (ii) *Hắn mim chặt môi* và (iii) *Môi hắn mim chặt*. Chúng tôi cho rằng trong câu (ii) ngoại động từ *mim* có tân ngữ đi kèm là *môi*. Cấu trúc chìm của câu (ii) chính là tân ngữ *môi* xuất hiện ở vị trí bổ ngữ của động từ *mim*. Cấu trúc bề mặt được đề hóa nên *môi* di chuyển lên vị trí cao hơn, đứng đầu câu. Phần phân tích cấu trúc cú pháp của những câu này không phải là trọng điểm của bài viết, nên chúng tôi không nêu chi tiết trong bài.

³ Trong nghiên cứu của Li (2014, tr.299) về Trật tự mang tính chủ đề và Tính kinh tế phái sinh (Thematic Hierarchy and Derivational economy), thuật ngữ NCO là: *Let us refer to those arguments typically selected as subjects and objects by the associated verb or verb phrase as ‘canonical subjects/objects’ and the non-typically selected as ‘non-canonical subjects/objects’*. Lược dịch: Thuật ngữ ‘*chủ/tân ngữ chuẩn*’ chỉ các tham tổ (argument) của chủ ngữ và tân ngữ được chọn một cách điển hình bởi các động từ hoặc ngữ kết hợp, còn “*chủ/tân ngữ không chuẩn*” thì không được chọn một cách điển hình. Trong các nghiên cứu về hiện tượng “*tân ngữ không chuẩn*” này của tiếng Hán, chúng tôi quan sát thấy các học giả diễn đạt thành 汉语不及物动词带宾语现象 (‘*hiện tượng tân ngữ đi kèm động từ bất cập vật trong tiếng Hán*’). Để người đọc dễ dàng nắm bắt chủ đề chính của bài viết, chúng tôi dùng thuật ngữ ‘*tân ngữ nội động*’ hay dùng chữ viết tắt trong tiếng Anh (NCO) khi nhắc đến dạng tân ngữ này trong bài viết.

nghiên cứu của Zhang (2018) để phân tích và đưa ra kết luận cho vị trí cú pháp của tân ngữ nội động trong tiếng Việt. Vị trí cú pháp (syntactic position) của tân ngữ nội động và tân ngữ ngoại động (hay tân ngữ chuẩn) khác nhau. NCO đứng ở vị trí là bổ ngữ của động từ phi tác cách.

Bài viết này tiếp tục trình bày những phân tích liên quan đến NCO trong tiếng Việt. Chúng tôi nêu ra các chức năng ngữ nghĩa (semantic functions) của chúng trong tiếng Việt. Dựa trên nghiên cứu của Zhang (2018) về NCO trong tiếng Hán, thông qua phương pháp so sánh đối chiếu ngôn ngữ, chúng tôi cho rằng NCO trong tiếng Việt cũng mang nhiều đặc điểm của từ bổ nghĩa phân loại (classifying modifiers), giống với tính từ phân loại (classificatory adjective). Về mặt ngữ nghĩa, chúng đóng vai trò như một yếu tố mang tính phân loại hình thức hay kiểu loại của một sự tình (an event kind-classifying elements, gọi tắt KCE) giống với NCO tiếng Hán. Bài viết trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: Về mặt ngữ nghĩa thì một tân ngữ nội động (non-canonical objects) có những chức năng gì? Nó có điểm gì khác biệt so với một tân ngữ chuẩn (canonical objects) hay tân ngữ ngoại động?

Bài viết được chia ra làm năm phần. Phần đầu tiên chúng tôi muốn nhắc lại tiêu chí phân loại động từ của tiếng Việt trong phạm trù nội/ ngoại động, cùng với một số nghiên cứu của các nhà Việt ngữ học về dạng bổ ngữ có điều kiện trong kết cấu từ ghép “động từ+danh từ”. Đồng thời nêu lên những vấn đề chưa được tìm hiểu về tân ngữ nội động trong tiếng Việt. Trong phần hai, chúng tôi phân tích chức năng ngữ nghĩa của NCO như một từ bổ nghĩa phân loại qua việc đối chiếu các điểm giống nhau của chúng với tính từ phân loại. Trong phần tiếp theo, chúng tôi đưa ra các đặc tính cơ bản để cho thấy NCO là yếu tố phân loại chủng loại của sự tình. Trước khi đưa ra kết luận cho bài viết, chúng tôi trả lời câu hỏi vì sao NCO là bổ ngữ có điều kiện như luận điểm của Hồ Lê (2018) và sự không tương hợp ngữ nghĩa giữa hành động và bổ ngữ như đã nêu ở trên của Nguyễn Văn Hiệp (2012) là như thế nào.

2. Tân ngữ nội động trong tiếng Việt và tính từ phân loại (classificatory adjectives)

Phần thứ ba trong bài nghiên cứu của Zhang (2018)⁴ về NCO tiếng Hán nêu ra bốn tính chất của một tính từ phân loại. Các tính chất đó là: (i) không là tham tố của danh từ mà nó bổ nghĩa, (ii) mang nhiệm vụ phân loại chủng loại, (iii) nêu ra một phạm vi rộng về ngữ nghĩa của danh từ mà nó bổ nghĩa, và (iv) phong phú đa dạng. NCO tiếng Hán đều mang những thuộc tính này. Như vậy, một NCO tiếng Hán đóng vai trò là một từ bổ nghĩa phân loại, hay nói cách khác, là một yếu tố phân loại chủng loại.

Trước hết chúng tôi giải thích thế nào là tính từ phân loại và bốn tính chất nêu trên được hiểu như thế nào qua các ví dụ trong các ngôn ngữ khác được chuyển dịch sang tiếng Việt.

2.1. Các thuộc tính của tính từ phân loại (classificatory adjectives)

Các nhà ngôn ngữ học khi nghiên cứu tính từ (adjective) trong tiếng Anh và các thứ tiếng thuộc ngôn ngữ La tinh (Romance) như tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, v.v. thì có khuynh hướng phân loại tính từ thành dạng tính từ quan hệ (relational adjectives), tính từ chứng nhận (qualifying adjectives) và các dạng khác. Tính từ quan hệ là dạng tính từ chỉ thực thể (entity), không phải chỉ thuộc tính (Bosque and Picallo, 1996, tr.351). Hoặc có thể hiểu là tính từ quan hệ nêu ra mối quan hệ gần giống như một tham tố ('an argument-like relation') liên quan đến danh từ mà nó bổ nghĩa, hay là dạng danh từ mang nét nghĩa ('semantic nouns') (McNally and Boleda, 2004, tr.181).

- | | |
|---|--|
| (3) a. <i>solar heat</i>
(thuộc) mặt trời sức nóng
“sức nóng mặt trời” | b. <i>blue sky</i>
xanh bầu trời
“bầu trời xanh” |
| a' <i>calor solar</i> (Tây Ban Nha)
sức nóng (thuộc) mặt trời
“sức nóng mặt trời” | b' <i>cielo azul</i>
bầu trời xanh
“bầu trời xanh” |

Tính từ *solar* “(thuộc) mặt trời” trong danh ngữ của tiếng Anh (ví dụ 3a) hay của tiếng Tây Ban Nha (ví dụ 3a') đều nêu ra tính chất liên quan đến mặt trời. Nó được xem là tính từ quan hệ, khác với

⁴ Zhang (2018) cũng so sánh đặc tính của NCO và danh ngữ hợp nhất (noun incorporation- NI), nhưng vì giới hạn số trang trong bài nghiên cứu này nên chúng tôi xin để nội dung này ở bài nghiên cứu tiếp theo về NCO trong tiếng Việt.

tính từ *blue* hay *azul* "xanh" chỉ về màu sắc trong danh ngữ của tiếng Anh (ví dụ 3b) hay của tiếng Tây Ban Nha (ví dụ 3b'). Nó được xem là một tính từ chứng nhận, mô tả tính chất về màu sắc.

- (4) a. *an electric vehicle* b. *an old lawyer*
 “phương tiện(chạy) bằng điện” “vị luật sư già”

Trong ví dụ (4a), *electric* "(thuộc về) điện" được xem là tính từ quan hệ. Nó chỉ ra mối quan hệ giữa một phương tiện di chuyển được vận hành bằng điện, tính chất có liên quan đến danh từ nó bổ nghĩa *vehicle* "phương tiện". Còn trong (4b), tính từ *old* "già" được xem tính từ chứng nhận, miêu tả một hiện tượng sinh lý tự nhiên bổ nghĩa cho danh từ *lawyer* "luật sư".

Các nghiên cứu về tính từ trên bình diện ngữ pháp ở các ngôn ngữ Latinh có đồng quan điểm về ba tính chất căn bản của một tính từ quan hệ là (i) không thể chia thành cấp độ (ungradable), (ii) ở vị trí sau danh từ (postnominal) và (iii) không thể hay thiếu khả năng làm bổ ngữ trong cấu trúc hệ từ *là* (copular structure) (McNally and Bodela, 2004; Bortolotto, 2016).

Bosque và Picallo đã quan sát thấy rằng, trong tiếng Tây Ban Nha khi kết hợp với một số danh từ thì có một số tính từ quan hệ mang ý nghĩa tham tố, như trong (5a) và có một số thì lại đóng vai trò như một thành phần phụ thêm (adjuncts) như trong (5b). Bài nghiên cứu của Linde-Usiekniewicz (2016) về hai dạng tính từ quan hệ và phân loại trong tiếng Ba Lan cũng ủng hộ quan điểm này, như trong ví dụ (5a') và (5b'). Trong (5a) tính từ *automovilística* "thuộc (về) xe hơi" trong tiếng Tây Ban Nha hay trong (5a') tính từ *samochodowa* "thuộc (về) xe hơi" trong tiếng Ba Lan đều nhận vai chủ đề (Theme) được ràng buộc từ ngoại động từ *sản xuất*. Cũng là những tính từ đó nhưng lại không bị ràng buộc với yếu tố danh từ gốc là *excursión* "chuyến du lịch" trong (5b) hay *wycieczka* "chuyến du lịch" trong (5b').

- (5) a. *producción automovilística* b. *excursión automovilística*
 sản xuất xe hơi tour trong ngày xe hơi
 “sản xuất xe hơi” “chuyến du lịch (bằng) xe hơi”
 a' *produkcja samochodowa* b' *wycieczka samochodowa*
 sản xuất xe hơi chuyến du lịch xe hơi
 “sản xuất xe hơi” “chuyến du lịch (bằng) xe hơi”

Tính từ quan hệ được chia nhỏ thành hai dạng là *tính từ phân loại* (classificatory adjectives, hay còn gọi là C- adjective, tính từ C) và *tính từ chủ đề hay đề tài* (thematic adjectives, hay còn gọi là Th-adjective, tính từ Th). Sự khác biệt giữa hai tiểu loại này là tính từ C không phải là tham tố (argument) hay thành viên (participant) của danh từ/ngữ mà nó bổ nghĩa, như trong (5b) và (5b'), khác biệt rất rõ với tính từ Th, là tham tố hoặc thành viên của danh từ/ngữ mà nó bổ nghĩa (Bosque and Picallo, 1996, tr.351-352), như trong (5a) và (5a').

Tóm lại, tính từ phân loại (classificatory adjectives) làm nhiệm vụ của một từ bổ nghĩa, nó phân loại danh từ thành một kiểu hoặc một chủng loại cụ thể (a certain type). Ví dụ như tính từ *musical* trong danh ngữ *musical instrument* "nhạc cụ" để phân biệt công cụ đó là thuộc về hoặc được dùng trong lĩnh vực âm nhạc, khác với dụng cụ dùng trong cơ khí chẳng hạn.

Những phân tích và các ví dụ nêu trên chỉ ra hai thuộc tính đầu tiên của tính từ C, tính từ phân loại: (i) không mang ý nghĩa của một tham tố, và (ii) có nhiệm vụ phân loại chủng loại. Thuộc tính thứ ba của tính từ phân loại là (iii) nêu ra một phạm vi rộng về ngữ nghĩa của danh từ nó bổ nghĩa. Sau đây chúng tôi dẫn lại ví dụ về tính từ phân loại trong tiếng Tây Ban Nha của (Bolinger, 1967) để trình bày đặc tính này. Những ví dụ này cũng được trích dẫn trong nhiều nghiên cứu như (Bosque and Picallo, 1996, tr.361), (Bortolotto, 2016, tr.70) hay (Zhang, 2018, tr.16)⁵.

- (6) *acrobacias aéreas* Locative (path) *literatura infantil* Goal/Benefacti
 ‘nhào lộn (trên) không’ ‘văn học thiếu nhi’

⁵ Trong các nghiên cứu dẫn lại các ví dụ này đều thể hiện bằng tiếng Anh, để người đọc dễ hiểu, khi chuyển dịch, chúng tôi cố gắng giữ nguyên những ví dụ nào không gây khó hiểu, còn ví dụ gây khó hiểu thì sẽ thêm các giới từ thích hợp với tiếng Việt. Ví dụ như *acrobacias aéreas*, tiếng Anh dịch thành *air acrobacies*, nếu giữ nguyên chuyển sang tiếng Việt, *nhào lộn không trung* sẽ khó hiểu, nên chúng tôi thêm giới từ *trên* vào danh ngữ này thành *nhào lộn trên không*.

<i>calor solar</i> "sức nóng mặt trời"	<i>Locative (source)</i>	<i>curación manual</i> "chữa trị thủ công"	<i>ve</i> <i>Instrumental</i>
<i>viaje estelar</i> "du lịch (theo kiểu) sao"	<i>Locative (goal)</i>	<i>crema dental</i> "kem chải/đánh răng"	<i>Benefactive</i>
<i>poblado lacustre</i> "thị trấn (có nhiều) hồ"	<i>Locative (place)</i>	<i>residuos industriales</i> "chất thải (từ) công nghiệp"	<i>Source</i>
<i>discriminación racial</i> "phân biệt chủng tộc"	<i>Cause</i>	<i>material quirúrgico</i> "vật liệu (trong) phẫu thuật"	<i>Purpose</i>

Trong các danh ngữ ở ví dụ (6), tính từ phân loại có thể được dùng để chỉ Nơi chốn *Locative* (kể cả biểu đạt hướng đi hay lối đi *Path*, nguồn gốc *Source*, mục tiêu *Goal*, vị trí *Place*), nguyên nhân *Cause*, đích đến hay hưởng lợi *Goal/Benefactive*, lợi ích *Benefactive*, phương thức *Instrumental*, nguồn gốc *Source* và mục đích *Purpose*, v.v. Điều này cho thấy tính từ phân loại nêu ra một phạm vi ngữ nghĩa rộng cho danh từ mà nó bổ nghĩa.

Đồng thời, các ví dụ (6) cũng cho thấy trong ngôn ngữ Latinh, hay trong tiếng Việt qua phần chuyển dịch, nghĩa hình thành từ sự kết hợp giữa một tính từ phân loại và một danh từ là rất phong phú (productive), và cách chuyển dịch các tính từ *C* rất đa dạng. Đây là đặc trưng (iv) của tính từ *C*, tính từ phân loại phong phú đa dạng.

Như vậy, một tính từ phân loại sẽ có những thuộc tính như sau:

- (7) a. Một tính từ phân loại không nhận vai chủ đề được chỉ định từ yếu tố danh từ gốc.
b. Một tính từ phân loại chỉ làm nhiệm vụ phân loại.
c. Một tính từ phân loại có phạm vi rộng về ngữ nghĩa của danh từ nó bổ nghĩa.
d. Một tính từ phân loại mang tính phong phú đa dạng.

Tiếp theo chúng tôi trình bày những đặc điểm song song giữa tân ngữ nội động và bốn thuộc tính nêu trên của tính từ phân loại để kết luận rằng NCO trong tiếng Việt cũng là một dạng của từ bổ nghĩa phân loại.

2.2. Tân ngữ nội động (NCO) tiếng Việt và tính từ phân loại (classificatory adjectives)

Các nhà nghiên cứu Việt ngữ đã chỉ ra sự khác biệt giữa tân ngữ ngoại động và tân ngữ nội động như trong ví dụ: ăn *com* và ăn *đũa*. Tân ngữ trực tiếp "*com*", đứng sau động từ *ăn* tiếp nhận vai chủ đề được ràng buộc từ ngoại động từ. Còn "*đũa*" là một NCO, không thể hiện vai chủ đề liên quan đến động từ, mà nó chỉ ra một phương thức để hành động là dùng đũa. NCO của tiếng Việt không nhận vai chủ đề bị ràng buộc bởi động từ, giống thuộc tính (7a) của tính từ phân loại.⁶

Một NCO có thể phân biệt các loại hình khác nhau của một sự tình được thực hiện bằng cùng một hành động. Ví dụ trình bày một sự tình băm, dùng dao chặt liên tiếp và làm một thứ gì đó nát nhỏ ra (Hoàng Phê, 2016) có hai hình thức khác nhau *băm dao băm thịt* và *băm dao phay*. Hay như *ngủ giường*, *ngủ lều*, *ngủ túi ngủ*. Các tân ngữ NCO như *giường*, *lều*, hay *túi ngủ* chỉ ra các hình thức khác nhau của một sự tình ngủ. NCO của tiếng Việt làm nhiệm vụ phân loại các kiểu hay hình thức khác nhau của một sự tình, giống thuộc tính (7b) của tính từ phân loại.

Sự xuất hiện của tân ngữ NCO để nêu nét nghĩa từ một phân lớp của sự tình được thực hiện bởi ngoại động từ hay nội động. Ví dụ động ngữ *ăn tối*, tân ngữ nội động *tối* xuất hiện để chỉ thời gian buổi tối, phân loại của lớp thời gian diễn đạt cho sự tình ăn. Ngoài lớp thời gian, một NCO có thể chỉ lớp phân loại địa điểm như ăn *nhà hàng*, hoặc chỉ lớp phân loại phương thức như ăn *đũa*, hay lớp phân loại nguyên nhân như ăn *sinh nhật*, v.v. Như vậy một NCO có một phạm vi rộng ngữ nghĩa để bổ nghĩa cho phân lớp của một sự tình, giống thuộc tính (7c) của tính từ phân loại.

Ho (2021, tr.32) đã liệt kê bốn ví dụ của tân ngữ nội động tương ứng với ví dụ của NCO tiếng Hán của Zhang (2018, tr.1). Chúng tôi xin nhắc lại các NCO này và bổ sung thêm. Các tân ngữ nội

⁶ Bạn đọc có thể tham khảo giải thích về kết cấu ngữ pháp của động ngữ "động từ phi tác cách+NCO" trong tiếng Hán của Zhang (2018) và trong tiếng Việt và của Ho (2021).

động được in nghiêng và in đậm kết hợp được với ngoại động và nội động theo trình tự: *ăn nhà hàng* hay *ngủ giường* (Nơi chốn), *dạy buổi tối* hay *ngủ thứ Tư* (Thời gian), *viết bút mực* hay *ngủ túi ngủ* (Phương tiện), *mặc thời trang* hay *múa ba lê* (Hình thức), *ăn tiệc* hay *khóc số phận* (Nguyên nhân), *bán từ thiện* hay *chạy trường* (Mục đích), *ăn tiền*⁷ hay *chơi hụi* (Nguồn gốc tài chính), *cắt nam* (Lợi ích)⁸, v.v. Có thể thấy, NCO của tiếng Việt rất phong phú và đa dạng, giống thuộc tính (7d) của tính từ phân loại.

Từ những dẫn chứng nêu trên chúng ta kết luận một tân ngữ nội động của tiếng Việt mang nhiều đặc điểm của từ bỏ nghĩa phân loại, giống với tính từ phân loại. Zhang (2018:16) định nghĩa: Nếu một yếu tố *x* phân loại được các hình thức, các kiểu, chủng loại, v.v giống như tính từ phân loại thì *x* được gọi là yếu tố phân loại chủng loại. Tính từ phân loại làm nhiệm vụ phân loại chủng loại cho yếu tố danh từ gốc hay sự kiện mà nó bỏ nghĩa (Bosque and Picallo, 1996; Bortolotto, 2016; Zhang, 2018 và các nghiên cứu liên quan). Một NCO của tiếng Việt cũng là một yếu tố bỏ nghĩa phân loại các chủng loại hay các kiểu hình thức của một sự tình.

3. Tân ngữ nội động (NCO) tính từ phân loại (classificatory adjectives) và yếu tố phân loại chủng loại của sự tình

Zhang (2018, tr.19) trình bày những thuộc tính về phân loại chủng loại cơ bản của một tân ngữ nội động trong tiếng Hán như sau: Một yếu tố *x* được xem là một yếu tố phân loại chủng loại thì *x* cần thể hiện được các thuộc tính trực tiếp liên quan đến chức năng của việc phân biệt các kiểu hay các hình thức khác nhau⁹. Nhà ngôn ngữ học dùng bốn thuộc tính sau để kiểm chứng và đưa kết luận.

- (8) a. NCO phải đặt được tên cho một thuộc tính riêng biệt của một phân lớp của một hành động.
- b. NCO phải đặt tên cho thuộc tính của một phân lớp mang tính khuôn mẫu của một hành động.
- c. NCO không thể được hỏi chỉ bởi một đại từ.
- d. NCO không thể dùng để so sánh.

Sau đây chúng tôi trình bày ý nghĩa của các thuộc tính trên và đối chiếu tân ngữ nội động của tiếng Hán với tiếng Việt. Đồng thời cũng sẽ nêu điểm khác biệt giữa tân ngữ chuẩn (canonical object) và tân ngữ nội động (NCO) của tiếng Việt ở mỗi thuộc tính.

3.1. Cần có một phân lớp (Subclass requirement)

Nếu yếu tố *x* là yếu tố phân loại chủng loại, *x* phải đặt được tên cho một thuộc tính riêng biệt của một phân lớp của một hành động. Như chúng tôi đã dẫn ví dụ ở phần thứ hai là một NCO có thể phân biệt được các hình thức khác nhau của sự tình được thực hiện bằng cùng một hành động.

- | | | | |
|------|-------------------------|--------------------|-------------------------|
| (9) | a. cắt dao lớn | b. *cắt dao | c. cắt bằng dao |
| | a' 切 [NCO 大刀] | b' *切 刀(子) | c' 用 刀(子)切 |
| | cắt.bằng.dao lớn dao | cắt.bằng.dao dao | dùng dao cắt.bằng.dao |
| | “cắt (bằng) dao lớn” | | “dùng dao lớn (để) cắt” |
| (10) | a. rửa nước lạnh | b. *rửa nước | c. rửa bằng nước |
| | a' 洗 [NCO 冷水] | b' *洗 水 | c' 用 水 洗 |
| | rửa.bằng.nước lạnh nước | rửa.bằng.nước nước | dùng nước rửa.bằng.nước |
| | “rửa (bằng) nước lạnh” | | “dùng nước (để) rửa” |

Các ví dụ (a), (b) và (c) là ví dụ tiếng Việt tương ứng ví dụ (a'), (b') và (c') trong tiếng Hán của (Zhang, 2018). Trong tiếng Hán, động từ 切 *qie* được hiểu là “cắt bằng một con dao”, trong tiếng Việt chúng ta có động từ tương ứng là *cắt*. Phân lớp của một hoạt động cắt bằng một con dao được biểu đạt bằng tân ngữ nội động *dao lớn*, như trong (9a), để phân biệt với *dao nhỏ*, tương tự như (9a')

⁷ cá cược/đánh bạc ăn tiền, hay ăn tiền hối lộ

⁸ cắt tóc cho nam giới, cắt (tóc) nam.

⁹ Nguyên văn là “If *x* is a KCE, it should exhibit properties directly related to the function of distinguishing different kinds”.

- (14) a. Anh ngủ [_{NCO}ghế sofa đó], còn em?
 a' 我睡[那個沙發],你呢?
 1.SG ngủ đó CL sofa 2.SG Q
 “Anh ngủ ghế sofa đó, còn em?”
 b. *Em cũng ngủ [_Nở].

b *Nam viết [_{NCO}bút lông], anh ấy còn phải viết *nhiều bút lông* nữa.

b' *李四寫毛筆, 他還會寫更多毛筆

Lisi viết bút lông 3.SG còn phải viết nhiều hơn bút lông

Để diễn đạt nghĩa hiển ngôn cơ bản trong (18b) là *Nam còn phải viết rất nhiều lần bằng bút lông*, chứ không phải Nam viết bằng nhiều cây bút lông. Muốn vậy thì phải diễn đạt bằng trạng ngữ chỉ phương thức bắt đầu bằng giới từ *bằng*, *viết bằng bút lông*. Như vậy cách đọc của nghĩa hiển ngôn cơ bản nhằm vào sự kết hợp chặt giữa yếu tố danh từ gốc và tân ngữ nội động nhiều hơn là một mình NCO. Hay chúng ta có thể hiểu là, một NCO, là yếu tố phân loại chủng loại của một sự tình, sẽ biểu thị tính chất cốt lõi của sự tình đó hơn là nêu ra mức độ cao thấp của thuộc tính được diễn đạt bởi chính NCO.

Trong phần này, chúng tôi trả lời cho câu hỏi nghiên cứu của bài. Một tân ngữ nội động (NCO) trong tiếng Việt, về mặt ngữ nghĩa, có chức năng là yếu tố phân loại chủng loại một sự tình. Vì vậy động từ trong kết cấu phi tác cách có thể kết hợp được với NCO đầu là tân ngữ này không được ràng buộc bởi động từ. Chức năng ngữ nghĩa của NCO cho thấy nó có những tính chất giống nhau với tính từ phân loại, làm nhiệm vụ như từ bổ nghĩa phân loại. Thông qua đối chiếu với NCO tiếng Hán trong nghiên cứu của Zhang (2018), chúng tôi giải thích rằng sự kết hợp giữa động từ và NCO là một kết hợp chặt.

4. Tân ngữ nội động (NCO) là bổ ngữ có điều kiện

Chúng tôi lí giải luận điểm của Hồ Lê (2018) cho rằng, kết cấu của dạng từ ghép chính phụ với mẫu “động từ + danh từ” như *ăn bàn*, *ngủ trưa*, v.v. là kết hợp chặt, hay các danh từ trong kết cấu này là “bổ ngữ có điều kiện” như sau. Một tân ngữ nội động, về bình diện ngữ nghĩa, là yếu tố bổ nghĩa phân loại với những đặc trưng được nêu trong phần thứ ba, (i) đặt được tên cho một thuộc tính riêng biệt của một phân lớp của một hành động, (ii) nêu ra tính chất thiết yếu, khuôn mẫu của sự tình, (iii) không hỏi chỉ bởi đại từ và (iv) không so sánh được. Đó là những quy tắc hay điều kiện ràng buộc để một tân ngữ nội động là một yếu tố phân loại chủng loại của sự tình về mặt nghĩa.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hiệp (2012) đồng quan điểm với (Phan Ngọc, 1983) giải thích về sự không tương hợp ngữ nghĩa giữa yếu tố *bàn* trong câu “*Tôi ăn bàn*” với thức ăn nên *bàn* là trạng ngữ và trong câu “*Con một ăn bàn*” thể hiện sự tương hợp ngữ nghĩa giữa thức ăn của con một là *bàn* và hành động ăn của nó, nên *bàn* là tân ngữ. Sự tương hợp ngữ nghĩa ở đây có thể là vì các tân ngữ chuẩn, hay tân ngữ ngoại động không thể hiện các ràng buộc được nêu ở phần ba như tân ngữ nội động. Tân ngữ nội động là yếu tố phân loại chủng loại của một sự tình, nên *bàn* trong câu “*Tôi ăn bàn*” để phân loại một hình thức khác, ví dụ là ăn trên giường của sự tình ngủ, còn tân ngữ của ngoại động mang vai nghĩa ràng buộc bởi động từ.

5. Kết luận

Đối tượng nghiên cứu của bài viết này là tân ngữ nội động (Non-canonical objects, gọi tắt là NCO) trong tiếng Việt. Tân ngữ nội động mang nhiều đặc điểm của một từ bổ nghĩa phân loại, giống với tính từ phân loại trong các ngôn ngữ Latinh. Tân ngữ nội động, về mặt chức năng ngữ nghĩa, là một yếu tố đóng vai trò phân loại chủng loại của một sự tình. Để đảm nhận vai trò này, một tân ngữ nội động cần có bốn yêu cầu bắt buộc là: (i) cần một phân lớp, (ii) nêu ra một khuôn mẫu, (iii) cần thể hiện tính cách của từ gốc và (iv) không so sánh được.

***Ghi chú:** Quy ước trình bày: 1.SG: danh từ nhân xưng ngôi thứ nhất, 2.SG: danh từ nhân xưng ngôi thứ hai, 3.SG: danh từ nhân xưng ngôi thứ ba, CL: danh từ chỉ đơn vị. Các ví dụ có dấu * là những ví dụ không chấp nhận được. Những từ trong ngoặc đơn là những từ có thể lược bỏ mà không làm thay đổi về phương diện “có thể” hay “không thể” được người bản ngữ chấp nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hồ Lê (2018), *Cấu tạo từ tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội. Nxb Khoa học Xã hội.
2. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. Hà Nội. Nxb Giáo dục Việt Nam.
3. Hoàng Phê (chủ biên, 2016), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Hồng Đức.

4. Lê Kinh Thắng (2009), *Phạm trù nội động/ngoại động trong tiếng Việt (so sánh với tiếng Anh)*. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Kim Thân (2015), *Động từ trong tiếng Việt*. Hà Nội. Nxb Khoa học Xã hội.
6. Hà Thiên Vạn (2020), *Bàn về tiếng Việt hiện đại*. Thành phố Hồ Chí Minh. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

7. Barrie, Michael & Yen-Hui Audrey Li. (2015), *The semantics of (pseudo) incorporation and case*. In “The Syntax and Semantics of Pseudo-Incorporation”, O. Borid & B. Gehrke eds. 159 – 188. Leiden: Brill.
8. Bosque, Ignacio and Carme Picallo. (1996), *Postnominal adjectives in Spanish DPs*. Journal of linguistics 32(2): 349-385.
9. Bortolotto, Laura (2016), *The Syntax of Relational Adjectives in Romance: a Cartographic Approach*. Ph.D. Thesis. Ca’ Foscari University of Venice, Italy.
10. Ho, Thu Trang (2021), *Vietnamese non-canonical objects*. Paper of the 8th International Conference on Language, Literature & Linguistics 2021, online on 26 July 2021 in Singapore time, held at the National University of Singapore Society, Singapore. ISBN 978-624-5892-01-3.
11. Li, Yen-Hui Audrey (2014), *Thematic Hierarchy and Derivational Economy*. Language & Linguistics 15 (3), 295-339.
12. Linde-Usiekniewicz, Jadwiga (2016), *A Position on Classifying and Qualifying Adjectives Revised*. Studies on Polish linguistics 11(2), 57-84.
13. McNally, Louise and Gemma Boleda (2004), *Relational adjectives as properties of kinds*. In “Empirical Issues in Formal Syntax and Semantics 5,” eds. O. Bonami & P. Cabredo Hofherr, 179-196.
14. Nguyen, Dinh Hoa (1997), *Vietnamese Verbs*. Mon Khmer Studies 25: 141-159.
15. Ramchand, Gillian Catriona (2008), *Verb meaning and the lexicon: A first phase syntax*. Cambridge: Cambridge University Press.
16. Zhang, Ning Niina (2018), *Non-canonical Objects as Event Kind- Classifying Elements*. Natural Language & Linguistic Theory 36: 1395-1437.

The semantic functions of Vietnamese non-canonical objects

Abstract: In Vietnamese, an intransitive verb (i.e., it doesn’t take an object) sometimes is used as a transitive verb (i.e., it takes an object). In the verb phrase *ngủ lều* (lit. sleep tent ‘sleep on the tent’), a postverbal object-like element *lều* ‘tent’ occurs in the typical position of an object and is named a non-canonical object (NCO). Ho (2021) claims that an unergative verb can take an NCO which refers to Locative, Instrument, Time, etc. as its complement. Based on Zhang’s (2018) analysis of NCOs in Mandarin Chinese (MC), this paper illustrates the semantic functions of Vietnamese NCOs. We employ a comparative approach and argue that semantically, Vietnamese NCOs share some properties of classifying modifiers (e.g., classificatory adjectives). They are similar to NCOs in MC and play the role of an event kind-classifying element.

Key words: Vietnamese non-canonical objects; semantic functions; kind-classifying elements; classifying modifiers; classificatory adjectives.